ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CỦA BIỆT NGỮ TRONG TIẾNG HÁN

NGUYỄN THỊ THÚY HẠNH*

Tóm tắt:

Biệt ngữ, theo ngôn ngữ dân gian còn được gọi là "tiếng lóng", là hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt, tồn tại một cách khách quan. Nếu nhìn từ góc độ giao tiếp ngôn ngữ trong thực tế của nhân loại, có thể nói, trong bất cứ ngôn ngữ của dân tộc nào cũng đều ít nhiều tồn tại biệt ngữ mang bản sắc văn hóa lịch sử đặc trưng của dân tộc; trong bất kỳ xã hội hay thời kỳ nào cũng đều ít nhiều có hiện tượng văn hóa kế thừa, sáng tạo và sử dụng biệt ngữ.

Trong bài viết này, tác giả thông qua phương thức tư duy, hình thức tâm lý, quan niệm giá trị, thẩm mỹ, phong tục tập quán trong sinh hoạt của các nhóm tổ chức xã hội Trung Quốc... để giới thiệu đặc trưng văn hóa của biệt ngữ trong tiếng Hán.

Ví dụ, ngư dân Trung Quốc gọi ngư thuyền là "Mộc Long – Rồng gỗ", bởi trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, rồng là linh vật thần thánh được sùng bái và tôn kính, được coi là "thủy trung chi vương – vua của nước", vì vậy khi muốn đặt tên cho ngư thuyền, các ngư dân liên tưởng ngay đến Rồng, tương tự như vậy, đuôi thuyền được gọi là "đuôi rồng", hay gọi bờ đê sông là "lưng rồng"... Văn hóa sùng bái Totem được thể hiện qua hàng loạt biệt ngữ, như củ gừng được gọi là "vuốt hổ"; đậu cove – "mắt dê"; con đường nhỏ - "ruột dê", trong tâm lý người Trung Quốc, hổ là con vật nguy hiểm và đầy uy lực, vì vậy trong ngành y gọi loại thuốc sau khi uống lại gây nguy hiểm đến tính mạng là "hổ dược", gọi thủ đoạn kê thuốc khiến người khác mắc bệnh rồi tiếp đó mới tìm cách chữa trị để lừa gạt tiền là "phóng hổ"... Chó là loài vật được nuôi để trông nhà, tuy thuần phục chủ nhân nhưng hung dữ với kẻ lạ, chó lại có bản tính hay cắn trộm, thời Minh Thanh mới gọi sai dịch trong quan phủ là "chó săn", ngày nay giới giang hồ vẫn gọi "bị bắn" là bị "chó cắn". Tương tự gọi người có tiền của là "con lợn béo"; kĩ nữ - "mèo"; trộm vặt – " chuột"; trộm trên sông nước – "chuột nước"...

Những năm gần đây, hiện tượng hối lộ và nhận hối lộ tương đối phổ biến, đặc biệt đối với người dân có hoàn cảnh khó khăn nhưng vì mưu sinh mà bất đắc dĩ phải "đi cửa sau", dân chúng sử dụng biệt ngữ để gọi những đồ hối lộ như một cách tự giải tỏa những bất mãn của mình, giống "liệu pháp thắng lợi tinh thần" của A Q, ví như gọi rượu cao cấp là "lựu đạn"; gói quà biếu – "bao thuốc súng"; tiền mặt – "đạn giấy"; gọi đi hối lộ là đi "bắn đạn"...

Văn hóa ẩm thực là nét văn hóa lớn, đặc sắc của Trung Quốc, biệt ngữ có liên quan đến văn hóa ẩm thực trong tiếng Hán vô cùng phong phú: "ăn ngói" chỉ người chuyên cho thuê phòng hoặc buôn bán nhà đất, "ăn cỏ" – phạm nhân bị xử bắn vào ban ngày; "uống thần dược" – chỉ thuốc mê dùng để lừa trẻ em; "ăn đạn ngọt" – hẹn nhưng không đến; "ăn màn thầu" – bị đánh; "ăn kem que" – bị sa thải...

* ThS., Khoa tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Hà Nội

浅谈汉语隐语的文化特征

引言

隐语是一种客观存在的特殊语言现象。根据现有资料记载，人类语言中的主要大语种，都明显地存在着他们自己的隐语。如果从人类实际的语言交际着眼，可以这样说，任何民族语言中都或多或少地存在具本民族历史文化特色的隐语，任何社会、任何时代都或多或少地存在着传承、创造、使用隐语的文化现象。

所谓隐语，它必定属于语言范畴。而事实上，隐语本来就是一种由特定的人群、在特定的历史文化背景下创造的、在特定的语言环境中交际使用的语言。因此，它必须具备语言的基本属性。换言之，隐语是一种语言形式，它应当是具有一定系统和一定规律的语音结合体，它应当在特定的语言环境中具有交际工具的功能。同时，所谓隐语，它还必须具备“隐”的特征，即是说，凡称得上隐语者起码应当具备隐语的特质：“隐蔽性”和“秘密性”。下面笔者就从汉语的隐型文化（包括思维方式、心理模式、价值取向、审美标准等）及汉语隐语的显型文化（包括生产生活习俗、政治组织等）进行探讨研究。

一、 汉语隐语的隐型文化特征

所谓隐型文化，是指一个民族深层次的精神文化。这种深层的文化结构，是人们在历史实践中长期积淀而成的，其内容包括思维方式、心理模式、价值取向、审美情趣、人伦观念等。他们的存在形式较深蕴隐蔽，一旦形成，很难改变。它是区别文化民族性的主要标志。

汉语隐语行话的隐型文化特征，是指以语用主体的思维方式、心理模式和价值取向等为主要内容的文化特征。汉语隐语行话的命名，即语用主体对客观事物的看法、体验与认同。汉语隐语行话所蕴涵的隐型文化特征，在其命名理据中表现得最为突出。

1. 直观的具象思维

在汉语共同语的词汇构成中，直观具象思维从古至今一直占有普遍的主导地位。汉民族这种直观具象思维模式在汉语隐语行话的命名上，突出地表现为“形象造词”，即依靠形象体念的习惯思维方式，以具体可感、表象可触的客观事物作为心里延伸的基点，通过主观联想类比而给具体事物命名。比如：

中国的渔业行当的隐语行话称渔船为“木龙”。龙是中国传统文化中受人们普遍尊崇的吉祥神圣之物，它被视为水中之王，尽管人们不可能见到真正的龙，但世代传承的龙文化，使龙在每个汉民族人的心目中，变得形象生动、鲜明可感。因此，当渔业群体的人们在为内部交际工具的所指成分“渔船”命名时，便自然而然地会联想到水中之王“龙”，由于渔船为木制造，故命名为“木龙”。大概处于类似的思维方式，又称船尾为“龙尾”，称河堤为“龙背”等。

再如：中国江湖市井及诸行百业的人们，在隐语行话中对自己身体各部位的命名：称脸为“盘子”，称手指为“龙抓”、“春笋”，称口为“樱桃”，称舌头为“丁香”，称头发为“乌云”、“绿云”，称肩为“玉楼”，称眉毛为“春山”、“春风”，称眼为“秋波”等。

汉语隐语中不少在直观具象思维驱导下，以“形象造词”而命名的词语，通俗生动而幽默。例如，称吝啬鬼为挤不出半点泡沫、永不减损的“象牙肥皂”，称多人合娶一妻为“开眼乌龟”，称嘴对着瓶口喝酒为“吹喇叭”等。

由此可见，汉民族直观具象的思维特征，“观物取象”的认知方式和“形象造词”的命名手段，不仅普遍地融入了汉语共同语，在汉语隐语行话的命名中也得到了充分体现。

2. 图腾崇拜心理

上古人类文化中的原始崇拜内涵极为丰富，上古人类的原始崇拜心理也极为复杂，其中最主要的是图腾崇拜。

图腾是原始氏族的标志，图腾崇拜的对象是包括动植物和其他一切事物在内的自然力和自然神，其中主要是对动植物的崇拜，一般而言，以动物居多。例如：鞋业称钳子为“虎口”，饮食业称生姜为“虎爪”，蔬菜业称扁豆为“羊眼”，江湖市井称小路为“羊肠”，乞丐集团称马桶为“猪耳朵”等。

以动物生活习惯和性质特征命名的隐语行话。在汉民族心目中，老虎是一种具威猛、吃人等危险习性的动物，医药业称服后有生命危险的药为“虎药”，称有意用药使人得病，再以治病为名而诈财者为“放虎”，偷窃集团称扒窃时最易被人发掘的内衣口袋为“虎穴”。

在数千年的农耕文明社会，汉民族几乎家家户户饲养猪，猪成了家庭财富的象征，因此江湖市井称有钱人为“肥猪”。土匪绑架有钱人为“拉肥猪”，当有钱的当事人为“状猪”，以此类推，“猪”成了银钱的隐称。

狗，在汉民族社会生活中，所充当的是一种由主人养的看门、防贼、为主人跑腿的角色。同时，狗具奴性，对主子顺服，对其他人则凶残；狗又有常偷袭咬人的习性。故而，在汉语隐语行话中，明清江湖市井称官府中的差役为“狗子”或“狗卒”；现代香港市井还称执行跟踪盯梢的警方人员为“狗仔队”等。同时，按狗偷袭咬人的习性，称抢为“狗”，称手枪为“狗仔”，称受枪伤为“狗咬”。

猫，具有以乖巧向主人媚宠和夜间不睡觉的习性，再加之猫在发情时会毫无遮掩地“号春”、寻性伙伴，故而，含语音与行话中多用猫隐指作风不正的女人或妓女。例如：西南地区市井称妓女为“肉猫儿”、“色猫儿”、“花脚猫儿”等；台湾淫业称在夜晚打扮得妖里妖气以招揽生意的妓女为“猫仔”等。

在汉语传统文化观念中，羊具有温顺、善良、老实的美德，故汉字中“善”、“美”等美词都从羊，但温顺老实在另一种价值取向中则成了愚笨无能，不晓事理，不变是非。因此，“羊”又有了与共同语相反的喻意。例如，称不晓事理的愚笨者为“羊生”，称不识好歹者为“羊头”等。

人们在以动物的形体特征和内在习性给隐语行话命名的过程中，往往寄寓着自己的精神情感。即常常借动物词语来抒发主体的喜怒褒贬之情。比如，称小偷为“鼠魔”，称窃贼为“小老鼠”，称在水上偷窃船民的盗贼为“水老鼠”。再如：称贩卖妇女儿童的人贩子为“狼家”，称残害女性的色情狂为“色狼”，鲜明地体现出对狼凶狠残忍本性的情感倾向性。

此外，由图腾崇拜导致的动物禁忌心理，在汉语隐语的命名中也有所体现。比如，市井诸行百业中，不少行当有不准放“快”的禁忌。即每日中午以前，不能对人说“梦”、“桥”、“龙”、“虎”、“蛇”、“兔”、“牙”等八种名称，反之，则为放“快”，对人不吉利。因此，称龙为“海条子”，称老虎为“海嘴子”，称蛇为“土条子”，称兔为“月宫嘴子”。显然，在这些动物隐语行话的命名中，透析着先民因图腾崇拜而产生的动物禁忌心理特征。

3. 正统文化意识

“正统文化意识”，是与社会亚文化意识相对而言的。它指的是社会生活中被奉为正宗的，对人们的思想言行具有较强规范、制约力量的，占主导地位的文化意识。一个民族、一个社会占主导地位的正统文化意识，无时不在制约、规范和影响着包括亚文化群体在内的一切人们的心理、思维

和价值取向等人文意识，同时，在正统文化意识的作用下，亚文化群体或出于自身的各种功利目的，或由于种种其他原因，常常会主动积极地靠近、攀附、就范于正统文化意识， 这在主要属于亚文化范畴的汉语隐语行话的命名中，也有较突出的体现。

例如：称“孝子”为“二十四”。这里的“二十四”即“二十四孝图”的歇后藏词构词，而“二十四孝图”则是一种宣传儒家正统忠孝文化观念的读本。再如：称天为“高明君”，地为“博厚君”，雷为“雷公”，雨为“润公”，犬为“州官”，猪为“黑官”等。

从汉语隐语行话的命名中所透析出的隐型文化特征除上面所谈的外，还有很多。比如，我们常常从一些现代社会民间流行隐语的命名中感受到语用主体的某种不平心态和不满情绪。例如：

一些农村乡镇的民众把电工称为“黄鼠狼”。那是因为，在部分乡村，电工即吃香又霸道，电工来了，村民必须杀鸡款待，因此，敢怒而不敢言的乡民只好用隐语“黄鼠狼”来宣泄心中不满的情绪。对近年来社会上行贿受贿、送礼进贡的腐败不正之风，民众心中早就十分不满。尤其是当平民百姓在社会漩涡中为求生存而不得不送礼进贡，从而无法保持自己独立人格时，心中的不平不满情绪往往就靠隐语来宣泄，以此求得心态的平衡和灵魂的安慰。例如，称行贿送礼为“打狗”。显然，这是源于俗语“肉包子打狗——去不回”，一旦明白了“打狗”隐语的命名理据，我们便会想起阿 Q 被人抢光了钱时说的那句“就当给了儿子”的无奈话。因此有人说，这样的隐语行话就是当今阿 Q 们的“精神胜利法”。现代社会流行的这类隐语不少，比如：称行贿送的高级香烟为“二十响”（驳壳抢名），称行贿送的高级瓶装酒叫“手榴弹”，称行贿送的火腿肠叫“机关枪”，叫行贿送人的礼品包叫“炸药包”，称钞票为“纸弹”，称行贿叫“银弹”……这些用比喻构成的隐语不仅又生动形象的表层形态，更具有丰富而深刻的内涵：渴求打通关卡顺利成事的企盼、钱财与人格丧失后的无奈与不平、小人物对腐败者的不满与反抗……

总之，这类隐语的产生及命名绝非偶然，它既是特定社会现象的反映，又是社会民众文化心态的缩影。

二、 汉语隐语的显型文化特征

所谓显型文化，是指一个民族文化结构中介表层物质文化和深层精神文化之间的心物结合层次的文化，或称中层文化。它一般是指人们在社会生活中的风俗习惯、制度组织和人际关系以及依附于它们的原理、原则、规

范等。显型文化的存在形式既不像隐型文化那样神韵隐蔽，也不像表层物质文化那样一切皆看得见、摸得着。因此，所谓“显型”其实是相对于隐型文化的存在形式而言的。

汉语隐语行话的显型文化特征，从内容上讲，主要是指由其所反映出来的汉民族的生产生活习俗，群体组织和制度规范等文化特征。汉语隐语行话中所运载的显型文化特征十分丰富，下面拟择要讨论之。

1. 隐语行话中的饮食文化习俗

汉民族的饮食文化习俗在人类众多民族文化中独树一帜，令世人惊叹不已。“民以食为天”从两千多年前说到现在，已成流放古训。“治大国如烹小鲜”成了历代统治者治国平天下的基本方略，而“丰衣足食”更成了统治者的仁政理想目标。汉语中有关“吃”的词语不仅数量多，而且分布面很广，表现力特别强。比如：“酒囊饭袋”、“吃不开”，表现人无能力；“吃粉笔灰”、“靠山吃山”，表示人的生活手段；“吃软不吃硬”表示人的处事方法；“吃闭门羹”则表示遭遇；“吃醋”表示心理情感等。在汉语隐语行话中，关于饮食文化的词语不仅数量惊人，其涵盖面和表现力与共同语一样，也特别强。比如：

- 表示谋生手段、及人物属性
  吃人：指以敲诈勒索为生的人
  吃小：凭借恶势力每日向赌场索取“孝敬钱”的流氓
  吃线：指靠卖血为生的人。线：血管
  吃十方：称借办佛事等名目骗取向人钱财
  吃大轮：指专在火车上扒窃者
  吃瓦片：以买房和出租房屋为生者
  吃软饭：靠诱骗妇女谋生的男人，也叫“吃拖鞋饭”
  吃空心饭：指管外事的人
  ……

- 表示具体行为动作
  吃肉：称嫖女人。又称“吃面”
  吃血：称受贿。又称“吃把”
  吃草：在白天枪毙犯人
  吃黑：得不义之财
  吃仙丹：用药物迷拐孩子
  吃甜抢：约会后不赴约

吃烧饼：大嘴巴
吃香蕉：变态性行为
……

- 表示遭遇和经历
  吃刀：指上当受骗
  吃馒头：挨打
  吃冰棍：被解雇
  吃红枣：犯人被执行枪毙
  吃炸药：出事被捕
  ……

- 表示人或事物的状态
  吃下风：在各方面都不得意
  吃上风：在各方面都很得意
  吃老米饭：待业
  吃污坑：不能理解他人言行及含义
  吃转：商品堆积在店里卖不出去
  ……

总之，通过对汉语隐语行话中大量表现了丰富的饮食文化词语的统计分析，使我们从中国民俗语言文化这一崭新视角，再次领略到了汉民族显型文化中悠久浓郁、独树一帜的饮食文化习俗。

2. 隐语行话中的市井文化习俗

所谓“市井”，是指城镇、街市及买卖交易市场等。“市井”就是一个小社会，市井社会即特定时空中某一民族和社会的缩影。中国历代市井社会都有其特定的交际工具——市语，也就是隐语行话。比如：用“圆”表示好，“歪”表示坏，“穿场”表示失礼，“入气”表示吃饭，“勘赚”表示“二”，“花心”表示“九”，“全场”表示“十”等。

此外，在社会市井各行各业的引语中，理发行业里的隐语也颇为丰富。例如：总称理发诸事为“扫清”，称剃发为“邱山”，称修面为“光盘子”，称修眉为“排八字”，称平头、寸头为“汪谷”，剃刀为“青子”，面粉为“月亮”，镜子为“隔山照”等。

凡与理发行有关者，皆有相应隐语行话。透过它们，我们至少可以看到由其反映出来的两种文化习俗。首先，它是汉民族自古以来重视须发的文化习俗在理发行业隐语上的反映。在汉民族传统文化中，非常珍视自身毛

发，将毛发同肌肤骨血一样视为父母精血之所在，认为：身体发肤，受之父母，岂得毁伤。讲究美发美须成为汉民族的文化习俗。自然，为满足人们美发美须的理发行业，与其相应的行话术语自然也会积淀丰富。其次，它也是数千年封建社会人们轻视理发服务行业的一种传统陋习的反映。在“万般皆下品，唯有读书高”的封建社会，人们最瞧不起社会市井的服务行业。旧时理发匠人虽靠手艺谋生，但社会地位极低，常受人歧视。在这种环境下，为自身保护，以求生存，也自然会产生众多当行隐语行话。

类似上述隐语中所反映的市井文化习俗，在众多的社会工商消费行业和社会民文艺游戏行业的隐语中都不乏突出反映。

3. 隐语行话中的组织文化特征

任何民间秘密社会组织，都有其用以维持组织生存、约束成员言行、协调内外关系、保守组织秘密以及识别成员身份等维护本群体组织利益的特殊交际工具：隐语行话。这类隐语行话与社会各行各业等非秘密社会组织的半封闭式隐语的最大特点在于：民间秘密社会组织具有较强的组织文化特征。

例如：创于清代初年，以“反清复明”为政治口号的民间秘密组织“天地会”留下了形态丰富、数量众多的隐语行话。用“天地会”而命名，是因其以“拜天为父，拜地为母”作为组织信义。在“兵器、武备”类中，称炮为“洪天”，抬炮为“长龙”，手枪为“小喷桶”，火药为“狗粪、红粉”等。在“会中行事”类中，称入会为“入圈、出世”，称会员为“香、洪英”称暗语为“春点”，称一人为“一根”、二人为“二根”，称斩首为“洗脸”等。

结语

综上可见，汉语隐语非仅是语言的特定形式，它们反映了一种生活方式、人们对社会的评价、思维方式、社会组织和思维能力的关键所在。隐语行话在作为特定社会群体内部的交际工具，在作为汉族共同语的特殊社会变体的同时，它也是其所属群体组织的特殊文化载体，也是其所赖以产生和存在的汉语文化的载体。即是说，和汉族共同语一样，隐语行话也兼有交际工具和文化载体的双重特质。

参考文献

曲颜斌《中国民间隐语行话》，新华出版社，1999年

雪漠《江湖内幕黑话考》，上海文艺出版社，2001年